| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thu Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Xoa

2. Ông Hoàng Minh Trinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên tòa*: Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phương D** – sinh năm 19xx - Địa chỉ: Đường N, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Hoàng Thanh H** – sinh năm 19yy - Địa chỉ: Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà **Phạm Thị Minh V** – Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ: Đường S, quận C, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Bà kết hôn với ông Hoàng Thanh H vào ngày 30/12/1993, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn khoảng 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ

chồng thiếu sự quan tâm nhau, ông H thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, về đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà và gia đình bà. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2017 bà đã gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn với ông H nhưng sau khi được Tòa án hòa giải bà đã rút đơn để hai vợ chồng có thêm thời gian suy nghĩ. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông H vẫn không thay đổi. Từ tháng 5 năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Bà D xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà D xác định vợ chồng có 01 con chung Hoàng Phương O – sinh ngày 25/5/2003. Bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu O và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà D xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng, đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401115035 ngày 26/5/2000 đứng tên vợ chồng. Theo kết quả thẩm định giá, tổng giá trị nhà và quyền sử dụng đất là 2.147.493.000 đồng. Vì tài sản này có nguồn gốc đất là do cha mẹ bà cho nên bà yêu cầu Tòa án chia tài sản theo tỷ lệ 6/4. Bà yêu cầu hưởng 60% giá trị tài sản, còn ông H hưởng 40% giá trị tài sản. Bà yêu cầu được nhận sở hữu tài sản để ở và nuôi con, thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông H.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản bà đề nghị Tòa án chia đôi, mỗi người chịu một nửa.

- Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có nợ chung.

* Tại Bản tự khai ngày 04/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Hoàng Thanh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Phương D về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự hiểu biết và tin tưởng nhau nên hay xảy ra cãi vã. Việc ông đánh bà D chỉ xảy ra một vì bà D đã có những lời lẽ không tôn trọng ông. Ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể cứu vãn được. Do đó, nếu bà D kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung Hoàng Phương O – sinh ngày 25/5/2003. Ông đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401115035 ngày 26/5/2000 đứng tên vợ chồng. Về nguồn gốc đất: Trước khi mở phiên tòa ông H xác định đất này là cha mẹ vợ cho hai vợ chồng sau khi kết hôn, tại phiên tòa ông H thay

đổi ý kiến, cho rằng đất này là do Nhà nước cấp cho vợ chồng nên ông không đồng ý chia theo tỷ lệ 6/4 mà yêu cầu chia đôi mỗi người một nửa giá trị tài sản, ông đồng ý giao nhà cho bà D sở hữu, bà D có nghĩa vụ thanh toán một nửa giá trị tài sản cho ông.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản ông H đồng ý chia đôi, mỗi người chịu một nửa.

Riêng đối với yêu cầu chia tài sản là giá trị quyền thuê ki ốt số 63 ở Chợ Đầu mối Hòa Cường, ông H xin rút lại yêu cầu này.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Thanh H là Luật sư Phạm Thị Minh V đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của ông H và bà D. Về tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng, luật sư đề nghị chia đôi theo tỷ lệ 5/5 vì cho rằng đất có nguồn gốc là đất công của Nhà nước, Đơn xin cấp đất do bà D và ông H cùng đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H về việc thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà D; nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***[1] Về thủ tục tố tụng:***

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Hoàng Thanh H có nơi cư trú tại Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

***[2] Về nội dung vụ án:***

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H tự nguyện kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân giữa bà

D và ông H đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Thanh H vì cho rằng vợ chồng không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được; ông H cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với bà D. Căn cứ vào lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà D và ông H đều thống nhất xác định trong quá trình chung sống giữ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu sự quan tâm, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã và xô xát. Từ tháng 5 năm 2018 bà D đã chuyển về nhà mẹ sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Phương D xin ly hôn là có cơ sở. Tại phiên tòa, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn của bà D và ông H.

*[2.2] Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H có 01 con chung là cháu Hoàng Phương O – sinh ngày 25/5/2003. Hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn bà D tiếp tục nuôi cháu O, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của của bà D và ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng con chung nên chấp nhận.

*[2.3] Về tài sản chung:*

Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng, đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401115035 ngày 26/5/2000 đứng tên bà D và ông H. Theo kết quả thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng, tổng giá trị nhà và quyền sử dụng đất là 2.147.493.000 đồng, trong đó giá trị quyền sở hữu nhà ở là 193.410.000 đồng và giá trị quyền sử dụng đất ở là 1.954.083.000 đồng. Bà D và ông H đều thống nhất với kết quả định giá.

Xét yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 6/4 của bà D và yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 5/5 của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nhà và đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 26/5/2000, sau khi bà D và ông H kết hôn (năm 1993) nên đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về nguồn gốc đất, trong quá trình tố tụng bà D và ông H đều xác định đất là do cha mẹ bà D cho, nhưng tại phiên tòa tòa ông H thay đổi ý kiến, cho rằng đất này là do hai vợ chồng đề nghị phường

cấp. Tuy nhiên, căn cứ Đơn xin sử dụng đất làm nhà của bà D được lập ngày 08/9/1990, được UBND phường Hòa Cường xác nhận cho cá nhân bà D ngày 15/4/1991 là thời điểm trước thời kỳ hôn nhân, HĐXX có cơ sở xác định công sức đóng góp của bà D trong việc tạo lập tài sản này là lớn hơn. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn phải xem xét đến "*Hoàn cảnh của gia đình và của vợ chồng*", "*Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên ...*", trường hợp này bà D là phụ nữ và nhận nuôi dưỡng con chưa thành niên và nên yêu cầu chia tài sản chung của bà D theo tỷ lệ 6/4 phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần được chấp nhận. Theo đó, bà D được hưởng 60% giá trị tài sản tương đương với số tiền là 1.288.495.800 đồng, ông H được hưởng 40% giá trị tài sản tương đương với số tiền là 858.997.200 đồng.

Xét yêu cầu được nhận sở hữu nhà, đất của bà D: Bà D là phụ nữ, đang trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên nên nhu cầu về nhà ở là cần thiết và bức bách hơn ông H, đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo chỗ ở ổn định cho bà D nhằm chăm sóc và nuôi dưỡng con chung được tốt hơn nên Tòa án thấy cần giao nhà và đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng cho bà D quản lý và sử dụng. Bà D có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch cho ông H là 858.997.200 đồng.

*[2.4] Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận đề nghị của Luật sư về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung của bà D và ông H, không chấp nhận đề nghị của luật sư về tỷ lệ chia tài sản chung của vợ chồng.

***[3]*** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Thanh H có bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là giá trị quyền thuê ki ốt số 63 ở Chợ Đầu mối Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vào ngày 07/11/2018 ông H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản. Tại phiên tòa, ông H khẳng định giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản trên. Xét việc rút yêu cầu của ông H là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là giá trị quyền thuê ki ốt số 63 ở Chợ Đầu mối Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***[4] Về án phí và các chi phí tố tụng:***

*[4.1[ Về án phí:*

- Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản mà mình được nhận là 50.654.874 đồng.

- Ông Hoàng Thanh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản mà mình được nhận là 37.769.916 đồng.

*[4.2] Về các chi phí tố tụng khác:*

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 7.370.000 đồng, tổng cộng là 9.370.000 đồng bà D và ông H thống nhất mỗi người chịu một nửa, theo đó bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu là 4.685.000 đồng, ông Hoàng Thanh H phải chịu là 4.685.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bà D đã nộp và chi phí xong nên ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà D số tiền 4.685.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 147, 157, 165 , 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương D đối với ông Hoàng Thanh H.

***1. Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H.

***2. Về con chung:*** Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H như sau:

- Bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương O – sinh ngày 25/5/2003.

- Ông Hoàng Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

***3. Về tài sản chung:***

*Xử:*

- Giao cho bà Nguyễn Thị Phương D được quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ Đường A, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng (đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử

dụng đất ở số 3401115035 ngày 26/5/2000 đứng tên bà D và ông H).

- Bà Nguyễn Thị Phương D có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch là 858.997.200 đồng cho ông Hoàng Thanh H.

***4. Về nợ chung:*** Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

***5.*** Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Hoàng Thanh H đối với giá trị quyền thuê ki ốt số 63 ở Chợ Đầu mối Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***6. Về án phí và các chi phí tố tụng:***

*[6.1[ Về án phí:*

- Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung là 50.654.874 đồng, tổng cộng số tiền án phí bà D phải chịu là 50.954.874 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng, trong đó có 2.800.000 đồng nộp theo biên lai thu số 0003331 ngày 24 tháng 5 năm 2018 và 5.000.000 đồng nộp theo biên lai thu số 0003369 ngày 04 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Nguyễn Thị Phương D còn phải nộp thêm số tiền là 43.154.874 đồng.

- Ông Hoàng Thanh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung là 37.769.916 đồng, tổng cộng số tiền án phí ông H phải chịu là 38.069.916 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.625.000 đồng theo biên lai thu số 0006580 ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Hoàng Thanh H còn phải nộp thêm số tiền là 32.444.916 đồng.

*[6.2] Về các chi phí tố tụng khác:*

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 7.370.000 đồng, tổng cộng là 9.370.000 đồng, bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu là 4.685.000 đồng, ông Hoàng Thanh H phải chịu là 4.685.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bà D đã nộp và chi phí xong nên ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà D số tiền 4.685.000 đồng.

***7.*** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoảntiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

***8. Về quyền kháng cáo:*** Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Hoàng Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa Cường Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thu Thảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa Cường Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thu Thảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**